

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 27/2021/DSST
Ngày 30/9/2021
V/v “*Kiến nghị bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Huệ.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Khánh Uẩn, ông Ngô Mạnh Hải.
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đàm Thu Hương- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Lan Hương- Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc “*Kiến nghị bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXX- ST ngày 28 tháng 4 năm 2021 giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Tổng công ty Xây dựng N N V P T N T- Công ty cổ phần; Địa chỉ: Số 303 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Người đại diện theo pháp luật: Ông Tạ Đức Hùng, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt Tùy, chức vụ: Quyền Tổng giám đốc; ông Vũ Thành Trung, chức vụ: Trưởng phòng Quản trị Nhân sự Hành chính của Tổng công ty (có mặt).

- ***Bị đơn:*** Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi B Đ; Địa chỉ: Số 582, đường Trần Phú, phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Ty, chức vụ: Chủ tịch công ty; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc Sơn, chức vụ: Phó giám đốc (có mặt).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Bắc Ninh; Địa chỉ: Số 190 Ngô Quyền, phường Kinh Bắc, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Lượng, chức vụ: Giám đốc (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, đại diện của nguyên đơn là Tổng công ty Xây dựng N N V P T N T- Công ty cổ phần (viết tắt là Tổng công ty xây dựng NN và PTNN Thanh Hóa– CTCP) trình bày: Tổng công ty xây dựng NN và PTNN Thanh Hóa– CTCP (tức bên Nhà thầu) tham dự gói thầu 01: Toàn bộ phần xây lắp thuộc dự án Đầu tư xây dựng công trình cầu Dọc, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; Hình thức đấu thầu rộng rãi qua mạng; Thông báo mời thầu số 20200747137- 00 từ ngày 22/7/2020 đến ngày 01/8/2020 do Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi B Đ (tức bên mời thầu) tổ chức.

Trong quá trình làm việc, bên mời thầu có công văn số 787/BĐ- BQL ngày 07/8/2020 và số 833/ BĐ- BQL ngày 14/8/2020 gửi bên Nhà thầu về việc làm rõ một số nội dung trong hồ sơ dự thầu gói thầu số 01 trên. Tổng công ty xây dựng NN và PTNN Thanh Hóa – CTCP đã có công văn số 297/CV– NT ngày 11/08/2020 và số 310/CV – NT ngày 17/08/2020 gửi Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi B Đ phúc đáp làm rõ các yêu cầu của bên mời thầu.

Ngày 24/8/2020 Nhà thầu nhận được thư mời số 895/TM-BĐ-BQL về việc thương thảo ký hợp đồng xây dựng gói thầu số 01. Ngày 27/8/2020, các bên đã có buổi thương thảo và đã được lập biên bản, các bên đã thống nhất thông qua. Nội dung chủ yếu yêu cầu làm rõ tại công văn số 787/BĐ- BQL ngày 07/8/2020 và số 833/ BĐ- BQL ngày 14/8/2020 và Biên bản làm việc ngày 27/8/2020 giữa bên mời thầu và bên nhà thầu là: Tài liệu làm rõ thời gian thực hiện hợp đồng tương tự của nhà thầu. Nội dung này nhà thầu đã trả lời tại công văn số 297/CV– NT ngày 11/08/2020, công văn số 310/CV – NT ngày 17/08/2020 và Biên bản làm việc ngày 27/8/2020: Các tài liệu hợp đồng tương tự nhà thầu kê khai trong hồ sơ dự thầu bao gồm: Hợp đồng số 18 /2015/HĐXD ngày 11/03/2015, các phụ lục hợp đồng, Biên bản bàn giao công trình đưa vào sử dụng ngày 24/8/2018 đã thể hiện đầy đủ các thông tin về loại công trình, cấp công trình, quy mô giá trị hợp đồng và thời gian thực hiện hợp đồng này là từ ngày 11/3/2015 đến ngày 24/08/2018.

Đồng thời nhà thầu đã có văn bản số 342/CV– NT ngày 28/08/2020 về việc bổ sung hợp đồng tương tự (hợp đồng số 472/2019/HĐXD ngày 03/06/2019, gói thầu số 3: thi công xây dựng công trình kiên cố kênh Phong Châu đoạn từ K0+00 đến K2+573,35 thuộc công trình kiên cố kênh Phong Châu, huyện Hoằng Hóa) trong hồ sơ dự thầu gói thầu số 01. Các tài liệu bổ sung gồm: Bảng kê khai hợp đồng tương tự; Hợp đồng 427/2019/HĐ – XD ngày 03/06/2019; Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình; Biên bản bàn giao công trình đưa vào sử dụng. Việc bổ sung này là phù hợp quy định tại Điều 16 Nghị định 63/2014 ngày 26/06/2014. Tài liệu

bổ sung này phải được coi như một phần của hồ sơ dự thầu. Bên mời thầu phải xem xét và bảo quản hồ sơ tài liệu này theo quy định của Luật đấu thầu.

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 và Nghị định 63/2014 ngày 26/06/2014 của chính phủ thì hồ sơ dự thầu của Tổng công ty xây dựng N N V P T N T – Công ty Cổ phần hoàn toàn đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm, đủ điều kiện để trúng thầu. Nhưng quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu của nhà thầu, Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi B Đ đã không căn cứ vào các quy định của Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 và Nghị định 63/2014 ngày 26/06/2014 của Chính phủ, quyết định lựa chọn nhà thầu thiếu khách quan, minh bạch, cố ý làm sai lệch kết quả hồ sơ dự thầu để loại nhà thầu. Đây là hành vi xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng Công ty xây dựng N N V P T N T – Công ty Cổ phần. Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi B Đ đã vi phạm khoản 1 Điều 584 BLDS năm 2015 “ *người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường...* ”. Nếu bên mời thầu đánh giá hồ sơ dự thầu của nhà thầu một cách khách quan, minh bạch thì Tổng Công ty xây dựng N N V P T N T – Công ty Cổ phần đã trúng thầu gói thầu số 01 vì giá dự thầu của Tổng công ty là thấp nhất trong số các nhà thầu tham dự gói thầu trên. Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi B Đ đã có hành vi xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng Công ty xây dựng N N V P T N T – Công ty Cổ phần, dẫn đến nhà thầu bị thiệt hại số tiền 82.980.000đồng. Vì vậy, Tổng Công ty xây dựng N N V P T N T – Công ty Cổ phần yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn giải quyết: Buộc Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi B Đ phải bồi thường thiệt hại cho Tổng Công ty xây dựng N N V P T N T – Công ty Cổ phần số tiền là 82.980.000đồng. Cụ thể gồm các khoản tiền sau:

- + Chi phí bảo lãnh dự thầu: 800.000đ;
- + Cung cấp tín dụng, phí dự thầu: 830.000đ;
- + Trả lương cho cán bộ làm hồ sơ dự thầu bao gồm: Làm hồ sơ pháp lý: 15.000.000đ; Làm hồ sơ kỹ thuật: 30.000.000đ; Làm hồ sơ giá dự thầu: 20.000.000đ;
- + Chi phí khác: Khảo sát công trường và hợp đồng cung ứng vật tư: 1 lái xe + 03 cán bộ (tổng là 4 người) trong thời gian 2 ngày. Trong đó lương cán bộ và lái xe: 3.600.000đ; ăn bữa chính: 2.400.000đ; ăn sáng và sinh hoạt phí: 800.000đ; Chi phí phương tiện: 4.000.000đ; Ngủ tại Bắc Ninh: 1.000.000đ.
- + Chi phí làm việc trực tiếp với bên mời thầu ngày 25/11/2019: 01 lái xe + 02 cán bộ trong thời gian 1 ngày: Lương cán bộ và lái xe: 1.350.000đ; ăn bữa chính: 900.000đ; ăn sáng và sinh hoạt phí: 300.000đ; Chi phí phương tiện: 2.000.000đồng.

Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, phía nguyên đưa ra là Hồ sơ mời thầu của Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi B Đ; Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 18/2015/HĐXD- HTKB ngày 11/3/2015 đối với gói thầu XD21 - Thi công kênh chính và các công trình trên kênh chính (đoạn từ K6+269,84 - K9+108,34), hợp phần Hệ thống kênh Bắc sông Chu - Nam sông Mã; Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 18A/2015/HĐXD- HTKB ngày 10/12/2015; Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 18B/2015/HĐXD- HTKB ngày 23/12/2015, Phụ lục điều chỉnh, bổ sung hợp đồng thi công xây dựng công trình số 18C/2015/HĐXD- HTKB ngày 14/9/2016 và Phụ lục điều chỉnh, bổ sung hợp đồng thi công xây dựng công trình số 18D/2015/HĐXD- HTKB ngày 05/11/2016; Hợp đồng 427/2019/HĐ – XD ngày 03/06/2019 đối với gói thầu số 3: thi công xây dựng công trình kiên cố kênh Phong Châu đoạn từ K0+00 đến K2+573.35 thuộc công trình kiên cố kênh Phong Châu, huyện Hoàng Hóa; Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật số 327/QĐ- QLĐT- TĐ ngày 26/10/2010 của Ban quản lý đầu tư và xây dựng Thủy lợi 3; Biên bản bàn giao công trình để đưa vào sử dụng ngày 24/8/2018; Bảng tính giá trị yêu cầu bồi thường kèm theo các Hợp đồng và thanh lý hợp đồng giao khoán; quy định tại khoản 7 điều 35 của Luật đấu thầu số 43 ngày 26/11/2013; điều 16 Nghị định 63 ngày 26/6/2014 của Chính phủ; điều 14 Nghị định 37 ngày 22/4/2015 của Chính phủ; khoản 1 điều 584 Bộ luật dân sự năm 2015.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, Tổng công ty Xây dựng N N V P T N T- Công ty cổ phần cung cấp cho Tòa án bản sao các giấy tờ, tài liệu sau: Tài liệu pháp lý của Tổng công ty Xây dựng N N V P T N T- Công ty cổ phần; Văn bản số 787/BĐ- BQL ngày 07/8/2020; Văn bản số 833/BĐ- BQL ngày 14/8/2020 ; Thư mời số 895/TM- BĐ- BQL; Quyết định số 1057/QĐ- BĐ- BQL ngày 22/9/2020 của Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi B Đ; Văn bản số 297/CV- NT ngày 11/8/2020; Văn bản số 310/ CV- NT ngày 17/8/2020; Văn bản số 342/CV- NT ngày 28/8/2020 của Tổng công ty Xây dựng N N V P T N T- Công ty cổ phần và các tài liệu bổ sung hồ sơ dự thầu gói thầu số 01 (Hợp đồng 427/2019/HĐ – XD ngày 03/06/2019...) ; Biên bản làm việc ngày 27/8/2020 giữa Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi B Đ và Tổng công ty Xây dựng N N V P T N T- Công ty cổ phần; Bảng tính giá trị yêu cầu bồi thường kèm theo các Hợp đồng và thanh lý hợp đồng giao khoán; Báo cáo đánh giá số 03/BC-TCG ngày 21/9/2020 của Tổ chuyên gia đấu thầu; Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật số 327 ngày 26/10/2010 của Ban Quản lý đầu tư và xây dựng thủy lợi 3; Quyết định số 1057 ngày 22/9/2020; Biên lai của bưu điện số *556708261* ngày 13/11/2020.

* Bị đơn là Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi B Đ (viết tắt là Công ty TNHH MTV KTCTTL B Đ) trình bày: Ngày 14/10/2019, UBND tỉnh Bắc Ninh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án theo Quyết định số 1509/QĐ-UBND. Sau khi có Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. Công ty TNHH MTV KTCTTL B Đ tức Chủ đầu tư đã ký hợp đồng với tư vấn khảo sát thiết kế số 1365/2019/HĐ-TVXD ngày 21/10/2019.

Ngày 30/10/2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh ký quyết định phê duyệt Báo cáo KTKT Xây dựng công trình số 414/QĐ-SKHĐT.

Dự án được phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo Quyết định số 247/QĐ-KHĐT.ĐTG ngày 03/7/2020. Sau khi có Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Chủ đầu tư đã ký hợp đồng với Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Nông nghiệp và PTNT Bắc Ninh về việc lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu. Hồ sơ mời thầu được phê duyệt theo Quyết định số 649/QĐ- BĐ.BQL ngày 15/7/2020 và được đăng tải lên hệ thống webform ngày 22/7/2020.

Thời gian phát hành hồ sơ mời thầu (viết tắt là HSMT): Từ 09 giờ 38 phút ngày 22/7/2020 đến 09 giờ 45 phút ngày 01/8/2020 (trong giờ hành chính)

Thời điểm đóng thầu: 09 giờ 45 phút, ngày 01/8/2020 (giờ Việt Nam)

Thời điểm mở thầu: 09 giờ 45 phút, ngày 01/8/2020.

Sau khi mở thầu trên hệ thống xuất hiện 02 nhà thầu tham dự. Trong đó có nhà thầu là: Tổng công ty Xây dựng N N V P T N T - Công ty cổ phần (nhà thầu).

Ngày 06/8/2020, Chủ đầu tư nhận được Văn bản số 01/BC-TCG của Tổ chuyên gia xét thầu về việc yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu của các nhà thầu.

Ngày 07/08/2020 Chủ đầu tư có văn bản số 787/BĐ-BQL và văn bản số 833/BĐ-BQL ngày 14/8/2020 đề nghị nhà thầu cung cấp tài liệu liên quan để xác định ngày hoàn thành thi công xây dựng gói thầu XD21 - Thi công kênh chính và các công trình trên kênh chính (đoạn từ K6+269,84 - K9+108,34), hợp phần Hệ thống kênh Bắc sông Chu - Nam sông Mã để chứng minh năng lực thực hiện của hợp đồng tương tự.

Ngày 11/8/2020 Nhà thầu đã gửi văn bản số 297/CV-NT; Văn bản số 310/CV-NT ngày 17/8/2020. Tuy nhiên, không có tài liệu làm rõ kèm theo, nội dung văn bản không làm rõ được thời gian thực tế thi công gói thầu theo yêu cầu của Bên mời thầu (tức chủ đầu tư là công ty TNHH MTV KTCTTL B Đ).

Ngày 19/8/2020 Tổ chuyên gia thuộc Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Nông nghiệp và PTNT Bắc Ninh gửi bên mời thầu báo cáo đánh giá số 02/BC-TCG và có kiến nghị như sau: Bên mời thầu mời nhà thầu xếp hạng thứ 1- Tổng công ty Xây dựng N N V P T N T - Công ty Cổ phần vào thương thảo hợp đồng. Trong quá trình thương thảo hợp đồng bên mời thầu yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu bằng giấy của hồ sơ dự thầu qua mạng (viết tắt là E-HSDT) để đối chiếu với những nội

dung mà nhà thầu đã kê khai trong E-HSDT, yêu cầu nhà thầu bổ sung tài liệu làm rõ thời gian thực tế thi công của hợp đồng tương tự. Trường hợp nhà thầu kê khai không trung thực sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc không đưa ra được các tài liệu làm rõ thì đánh giá E-HSDT của nhà thầu kê khai không đáp ứng hồ sơ mời thầu qua mạng (viết tắt là E-HSMT) và mời nhà thầu xếp hạng thứ 2 vào thương thảo.

Ngày 24/8/2020 bên mời thầu có văn bản số 895/BĐ-BQL gửi nhà thầu về việc thương thảo, ký kết HĐXD Gói thầu số 1: Toàn bộ phần xây lắp dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu Dọc, huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh. Trong nội dung văn bản yêu cầu nhà thầu cung cấp các Văn bản đồng ý gia hạn thời gian thực hiện gói thầu, gói thầu XD21 - Thi công kênh chính và các công trình trên kênh chính (đoạn từ K6+269,84 - K9+108,34), hợp phần Hệ thống kênh Bắc sông Chu - Nam sông Mã.

Ngày 27/8/2020 tại Văn phòng Công ty TNHH MTV KTCTTL B Đ, các bên gồm: Bên mời thầu (chủ đầu tư), tổ chuyên gia xét thầu (tư vấn lập và đánh giá HSDT), nhà thầu - Tổng công ty Xây dựng N N V P T N T - Công ty cổ phần đã tiến hành đối chiếu giữa các tài liệu của hồ sơ E-HSDT (tức “bản cứng”) với các tài liệu của hồ sơ E-HSDT đã đăng ký dự thầu được đăng trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (tức “bản mềm”). Tuy nhiên, Tổng công ty Xây dựng N N V P T N T - Công ty cổ phần không cung cấp được các tài liệu khác liên quan đến thời gian thực hiện hợp đồng tương tự đã kê khai để làm rõ thời gian thực tế thi công của hợp đồng tương tự này. Tại buổi làm việc này, các bên liên quan gồm: Bên mời thầu (chủ đầu tư), Tổ chuyên gia xét thầu, Nhà thầu đã lập biên bản làm việc. Theo đó, Bên mời thầu (tức Chủ đầu tư) yêu cầu nhà thầu là Tổng công ty Xây dựng N N V P T N T - Công ty cổ phần cung cấp các tài liệu liên quan để thể hiện thời gian hoàn thành gói thầu XD21 - Thi công kênh chính và các công trình trên kênh chính (đoạn từ K6+269,84 - K9+108,34), hợp phần Hệ thống kênh Bắc sông Chu - Nam sông Mã về Công ty TNHH MTV KTCTTL B Đ trước ngày 04/9/2020. Sau ngày 04/9/2020 nếu Nhà thầu không có các tài liệu bổ sung nêu trên Tổ chuyên gia sẽ làm việc trên cơ sở các tài liệu sẵn có.

Sau buổi làm việc ngày 27/8/2020 tại văn phòng của Bên mời thầu thì ngày 28/8/2020 Tổng Công ty Xây dựng N N V P T N T - Công ty Cổ phần có văn bản số 342/CV-NT gửi Bên mời thầu về việc bổ sung tài liệu về hợp đồng tương tự để thay thế hợp đồng đã kê khai trong E-HSDT là hợp đồng thi công xây dựng số 472/2019/HĐ-XD ngày 03/06/2019 về việc thi công xây dựng gói thầu số 03: Thi công xây dựng công trình kiên cố kênh Phong Châu đoạn từ K0+00÷K2+573.35 để đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu.

Với tình huống nêu trên bên mời thầu đã đề nghị bên xét thầu xem xét, giải quyết. Đồng thời, ngày 08/9/2020 bên mời thầu đã gửi văn bản số 965/BĐ.BQL tới Cục Quản

lý Đấu thầu - Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến một số nội dung trong quá trình đánh giá E- HSDT để làm cơ sở xem xét.

Ngày 17/9/2020, Bên mời thầu (tức Chủ đầu tư) nhận được Văn bản số 1727/QLĐT-CS của Cục Quản lý Đấu thầu- Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc trả lời: Theo Nghị định 63/2014/NĐ- CP (điều 15 khoản 1) ngày 26/6/2014 của Chính Phủ quy định việc đánh giá hồ sơ dự thầu phải căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và các yêu cầu khác trong hồ sơ mời thầu, căn cứ vào hồ sơ dự thầu đã nộp, tác tài liệu giải thích, làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu để bảo đảm lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm, có giải pháp khả thi để thực hiện gói thầu.

Theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 8 Thông tư 05/2018/TT-BKHĐT ngày 10/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì hệ thống tự đánh giá các nội dung: lịch sử không hoàn thành hợp đồng, kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hàng năm, nguồn lực tài chính, kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự trên cơ sở nhà thầu kê khai trên webform trong E- HSDT. Tổ chuyên gia đã đánh giá các nội dung nêu tại điểm a khoản này, ngoài ra còn đánh giá các nội dung còn lại trên cơ sở thông tin mà nhà thầu kê khai trên webform trong E- HSDT.

Do vậy, việc đánh giá hồ sơ E-HSDT phải được thực hiện theo quy định đã nêu trên. Theo đó, trường hợp E-HSMT quy định hợp đồng tương tự là hợp đồng thực hiện, hoàn thành trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2019 thì hợp đồng tương tự của nhà thầu (Tổng Công ty Xây dựng N N V P T N T - Công ty Cổ phần) kê khai trong E-HSDT có thời gian hoàn thành trước năm 2017 được coi là không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT đối với nội dung này.

Ngoài ra, hệ thống sẽ tự động đánh giá nội dung kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự trên cơ sở thông tin nhà thầu kê khai trên webform trong E-HSDT. Theo đó, việc sau thời điểm đóng thầu (ngày 01/8/2020, giờ Việt Nam), nhà thầu bổ sung hợp đồng tương tự vào ngày 28/8/2020, nhằm mục đích thay thế hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã kê khai trong E-HSDT là không phù hợp và hợp đồng bổ sung này không được xem xét đánh giá.

Trên cơ sở trả lời của Cục Quản lý Đấu thầu- Bộ Kế hoạch và đầu tư. Ngày 21/9/2020 Chủ đầu tư nhận được Báo cáo đánh giá số 03/BC-TCG của tổ chuyên gia xét thầu về việc đánh giá lại hồ sơ dự thầu của các nhà thầu và đề nghị nhà thầu (Công ty TNHH Châu Cầu) xếp hạng 2 đến thương thảo hợp đồng. Sau quá trình thương thảo Bên mời thầu đã xem xét, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu (theo Quyết định số 1057/QĐ- BĐ.BQL ngày 22/9/2020) và ký kết hợp đồng để triển khai thi công xây dựng công trình đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật.

Bên mời thầu khẳng định toàn bộ quá trình xem xét, đánh giá, lựa chọn nhà thầu là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Công ty TNHH MTV Khai thác

Công trình Thủy lợi B Đ (bên mời thầu) không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của Tổng công ty Xây dựng N N V P T N T - Công ty Cổ phần (bên dự thầu), đề nghị Tòa án xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty Xây dựng N N V P T N T - Công ty Cổ phần.

Phía bị đơn có cung cấp cho Tòa án Quyết định phê duyệt (viết tắt là QĐPD) chủ trương đầu tư dự án; QĐPD Báo cáo KTKT công trình; QĐPD kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Hồ sơ mời thầu; QĐPD Hồ sơ mời thầu; HSDT của Tổng công ty XDNN và PTNT Thanh Hóa- CTCP; Biên bản mở thầu; Công văn yêu cầu làm rõ HSDT số 787/BĐ- BQL ngày 07/8/2020; Văn bản trả lời số 297/CV-NT; Hợp đồng số 18/2015/HĐXD-HTKB; Hợp đồng số 18A/2015/HĐXD-HTKB; Hợp đồng số 18B/2015/HĐXD-HTKB; Phụ lục điều chỉnh, bổ sung Hợp đồng số 18C/2015/HĐXD-HTKB; Phụ lục điều chỉnh, bổ sung Hợp đồng số 18D/2015/HĐXD-HTKB; Báo cáo đánh giá HSDT; Biên bản bàn giao công trình đưa vào sử dụng; Công văn yêu cầu làm rõ HSDT số 833/BĐ-BQL; Văn bản trả lời số 310/CV-NT; Tờ trình đề nghị phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu; Báo cáo đánh giá HSDT số 02/BC-TCG; Thư mời số 895/TM-BĐ.BQL; Biên bản làm việc ngày 27/8/2020; Công văn đề nghị bổ sung Hợp đồng tương tự số 342/CV-NT; Hợp đồng số 472/2019/HĐ-XD; QĐPD Thiết kế BVTC và Dự toán; Biên bản bàn giao công trình đưa vào sử dụng; Công văn Xin ý kiến một số nội dung trong quá trình đánh giá E- HSDT số 965/BĐ.BQL; Văn bản trả lời số 1727/QLĐT-CS; Công văn số 1027/BĐ.BQL; Báo cáo đánh giá số 03/BC-TCG; Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; QĐPD kết quả lựa chọn nhà thầu; Đơn kiến nghị số 402/KN- TCT; Công văn trả lời phúc đáp số 1095/BĐ-BQL; Đơn kiến nghị số 414/KN- TCT; Công văn số 1715/KHĐT-ĐTGT.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Bắc Ninh (viết tắt là Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT Bắc Ninh) trình bày tại văn bản số 129/BC- BDA ngày 19/4/2021 gửi Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn như sau:

Hợp đồng số 18/2015/HĐXD-HTKB có thời hạn thực hiện đến 31/12/2015, PLHĐ số 18A/2015/HĐXD-HTKB về việc gia hạn thực hiện Hợp đồng số 18/2015/HĐXD-HTKB đến hết ngày 31/3/2016. Sau đó ngày 14/9/2016 nhà thầu tiếp tục ký PLHĐ số 18C/2015/HĐXD-HTKB điều chỉnh và bổ sung nội dung và khối lượng công việc; ngày 5/11/2016 nhà thầu ký PLHĐ số 18D/2015/HĐXD-HTKB điều chỉnh giá hợp đồng, trong các phụ lục hợp đồng 18C/2015/HĐXD-HTKB ngày 14/9/2016, 18D/2015/HĐXD-HTKB ngày 5/11/2016 không có các nội dung về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trong biên bản nghiệm thu bàn giao công trình để đưa vào sử dụng ngày 24/8/2018 không thể hiện ngày khởi công, ngày hoàn thành công trình.

Tại buổi làm việc trực tiếp giữa Chủ đầu tư (Công ty TNHH MTV khai thác CTTL B Đ), đơn vị tư vấn đấu thầu (Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT Bắc Ninh) và nhà thầu (Tổng công ty Xây dựng N N V P T N T - Công ty cổ phần) thì Nhà thầu cũng không cung cấp được các tài liệu chứng minh hợp đồng số 18/2015/HĐXD-HTKB có thời gian hoàn thành sau ngày 31/3/2016 như: Phụ lục hợp đồng thể hiện thời gian gia hạn giữa chủ đầu tư và nhà thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng được gia hạn, văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng.

Đến hết thời gian theo thống nhất tại buổi làm việc ngày 27/8/2020 nhà thầu không cung cấp được một trong các tài liệu nêu trên để chứng minh hợp đồng số 18/2015/HĐXD-HTKB được gia hạn thời gian thực hiện sau 31/3/2016.

Căn cứ khoản 3, điều 39, nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 thì hợp đồng số 18/2015/HĐXD-HTKB do nhà thầu cung cấp không chứng minh được thời gian thực hiện kéo dài sau ngày 31/3/2016.

Căn cứ Điều 16 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 và các yêu cầu trong E- HSMT thì hợp đồng trên không đáp ứng được E- HSMT.

Như vậy, việc đánh giá E- HSDT của nhà thầu không đáp ứng được E- HSMT là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch.

Việc bổ sung thêm hợp đồng tương tự sau thời điểm đóng thầu:

Ngày 28/8/2020 Tổng công ty Xây dựng N N V P T N T - Công ty cổ phần có văn bản số 342/CV-NT gửi bên mời thầu về việc bổ sung tài liệu về HĐTT Gói thầu số 1: Toàn bộ phần xây lắp dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu Dọc, huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh. Nhà thầu đề nghị được bổ sung Hợp đồng thi công xây dựng số 472/2019/HĐ-XD ngày 03/06/2019 về việc thi công xây dựng gói thầu số 03: Thi công xây dựng công trình kiên cố kênh Phong Châu đoạn từ K0+00÷K2+573.35 để đánh giá Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

Căn cứ vào khoản 1 Điều 15 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; điểm a và điểm b khoản 2 Điều 8 Thông tư 05/2018/TT- BKHĐT ngày 10/12/2018 của Bộ Kế hoạch và đầu tư và Văn bản số 1727/QLĐT-CS của Cục Quản lý Đấu thầu - Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì việc bổ sung hợp đồng tương tự của nhà thầu sau thời điểm đóng thầu là không hợp lý và hợp đồng bổ sung này sẽ không được xem xét đánh giá.

Như vậy, việc không chấp nhận xem xét, đánh giá hợp đồng bổ sung số 472/2019/HĐ-XD ngày 03/06/2019 của tổ chuyên gia là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu. Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh giải quyết: Không

chấp nhận toàn bộ đối với yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty Xây dựng N N V P T N T - Công ty cổ phần.

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có cung cấp cho Tòa án Công văn số 129 ngày 19/4/2021; Công văn số 130 ngày 19/4/2021; Quyết định số 988/ QĐ- UBND ngày 25/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh; Quyết định số 223/ QĐ- UBND ngày 04/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh; Quyết định số 166/ QĐ- BDA ngày 31/7/2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Bắc Ninh.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật nhưng hòa giải không thành, vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, những người đại diện ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi B Đ phải bồi thường thiệt hại cho Tổng Công ty xây dựng N N V P T N T – Công ty Cổ phần với tổng số tiền là 82.980.000đồng. Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu bất kỳ nội dung nào khác.

Ông Phạm Ngọc Sơn là đại diện ủy quyền của bị đơn là Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi B Đ không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của Tổng công ty Xây dựng N N V P T N T - Công ty Cổ phần, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty Xây dựng N N V P T N T - Công ty Cổ phần. Vì Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi B Đ không có bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật nào. Công ty đã xem xét, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn phát biểu quan điểm đánh giá việc thực hiện pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa là nghiêm túc, đúng pháp luật; Việc chấp hành các quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa là đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá toàn bộ nội dung vụ án, hồ sơ và các tài liệu liên quan, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 58, 232, 262; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ điều 13 Luật đấu thầu 2013; Khoản 1 Điều 31 TTLT số 07/2015 ngày 08/09/2015 quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng; khoản 1, khoản 2 Điều 16 Nghị định số 63/2014/ NĐ – CP ngày 26/06/2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí đề nghị:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Tổng công ty XD&PTNT Thanh Hóa – CTCP.

Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, sau khi xem xét toàn diện, đầy đủ ý kiến của các đương sự, quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn và yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty Xây dựng N N V P T N T- Công ty cổ phần thấy, Tổng công ty Xây dựng N N V P T N T- Công ty cổ phần yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi B Đ bồi thường thiệt hại liên quan đến hoạt động đấu thầu đối với gói thầu 01: Toàn bộ phần xây lắp thuộc dự án Đầu tư xây dựng công trình cầu Dọc, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, mục đích công ích, dân sinh nên đây là vụ án dân sự về việc “*Kiện đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*” theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn có trụ sở tại số 582, đường Trần Phú, phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Sau khi được phê duyệt theo quy định của pháp luật, Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi B Đ (tức bên mời thầu) đã đăng tải hồ sơ mời thầu đối với gói thầu 01: Toàn bộ phần xây lắp thuộc dự án Đầu tư xây dựng công trình cầu Dọc, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh lên hệ thống webform ngày 22/7/2020.

Thời gian phát hành hồ sơ mời thầu (viết tắt là HSMT): Từ 09 giờ 38 phút ngày 22/7/2020 đến 09 giờ 45 phút ngày 01/8/2020 (trong giờ hành chính)

Thời điểm đóng thầu: 09 giờ 45 phút, ngày 01/8/2020 (giờ Việt Nam)

Thời điểm mở thầu: 09 giờ 45 phút, ngày 01/8/2020.

Theo E- HSMT yêu cầu hợp đồng tương tự là hợp đồng thực hiện, hoàn thành trong vòng “ 03 năm gần đây nhất” (tức khoảng thời gian từ năm 2017 đến thời điểm đóng thầu). Khi tham gia dự thầu, Tổng công ty xây dựng NN và PTNN Thanh Hóa – CTCP đã nộp: Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 18/2015/HĐXD- HTKB ngày 11/3/2015 đối với gói thầu XD21 - Thi công kênh chính và các công trình trên kênh chính (đoạn từ K6+269,84 - K9+108,34), hợp phần Hệ thống kênh Bắc sông Chu - Nam sông Mã. Trong hợp đồng thể hiện yêu cầu nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ công việc theo nội dung của hợp đồng trước ngày 31/12/2015; Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 18A/2015/HĐXD- HTKB ngày 10/12/2015, thể hiện trên cơ sở có văn bản xin gia hạn hợp đồng của Tổng công ty xây dựng NN và PTNN Thanh Hóa – CTCP cũng như văn bản của Bộ nông nghiệp và PTNN về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng của gói thầu để điều chỉnh, bổ sung về thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng chậm nhất là ngày 31/3/2016. Còn trong các Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 18B/2015/HĐXD- HTKB ngày 23/12/2015, Phụ lục điều chỉnh, bổ sung hợp đồng thi công xây dựng công trình số 18C/2015/HĐXD- HTKB ngày 14/9/2016 và Phụ lục điều chỉnh, bổ sung hợp đồng thi công xây dựng công trình số 18D/2015/HĐXD- HTKB ngày 05/11/2016 không thể hiện nội dung gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng.

Tại mục 1.30 điều 1 Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 18/2015/HĐXD- HTKB ngày 11/3/2015 là hồ sơ dự thầu của Tổng công ty xây dựng NN và PTNN Thanh Hóa – CTCP có ghi rõ: “Thay đổi là sự thay đổi (điều chỉnh)... hoặc tiến độ thi công khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư”. Tại khoản 1, 2 Điều 14 Nghị định số 48/2010/NĐ- CP ngày 07/5/2010 của Chính Phủ quy định về hợp đồng trong hoạt động xây dựng đề cập: “1. Thời gian thực hiện hợp đồng được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng và phải phù hợp với tiến độ thực hiện của dự án....2. Bên nhận thầu có trách nhiệm lập tiến độ chi tiết thực hiện hợp đồng trình bên giao thầu chấp thuận để làm căn cứ thực hiện”; Tại khoản 1, 3 Điều 38 của Nghị Định này quy định về Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng “1. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải thỏa thuận về các trường hợp được điều chỉnh tiến độ. Trường hợp thời hạn hoàn thành chậm hơn so với tiến độ của hợp đồng thì các bên phải xác nhận rõ trách nhiệm của mỗi bên đối với những thiệt hại do chậm tiến độ gây ra...3. Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận và thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì chủ đầu tư phải báo cáo Người quyết định đầu tư xem xét, quyết định”. Hiện nay, tại khoản 3 điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ- CP của Chính Phủ ngày 22/4/2015 quy định “Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng không làm kéo dài tiến độ thực hiện hợp đồng (bao gồm cả thời gian được kéo dài tiến độ thực hiện hợp đồng theo quy định của hợp đồng

xây dựng) thì chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ làm kéo dài tiến độ thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư phải báo cáo Người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định”. Như vậy đã thể hiện rất rõ trong các hợp đồng và phụ lục hợp đồng trên của Tổng công ty xây dựng NN và PTNN Thanh Hóa – CTCP đã tham gia dự thầu chỉ thể hiện thời hạn của việc thực hiện hợp đồng là đến ngày 31/3/2016 (tức có thời gian hoàn thành trước năm 2017), nhà thầu cũng không cung cấp được các tài liệu chứng minh hợp đồng số 18/2015 có thời gian hoàn thành sau ngày 31/03/2016. Từ ngày 31/03/2016 đến ngày 24/08/2018 là ngày bàn giao công trình để đưa sử dụng thì bên nhà thầu không cung cấp được văn bản gia hạn hợp đồng, hợp đồng tương tự của nhà thầu kê khai trong E – HSĐT có thời gian hoàn thành trước năm 2017 được coi là không đáp ứng yêu cầu của E – HSMT đối với nội dung này.

Trong quá trình làm rõ hồ sơ dự thầu cũng như cung cấp các văn bản thể hiện đồng ý gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng đối với gói thầu XD21 - Thi công kênh chính và các công trình trên kênh chính (đoạn từ K6+269,84 - K9+108,34), hợp phần Hệ thống kênh Bắc sông Chu - Nam sông Mã theo yêu cầu của Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi B Đ (bên mời thầu) thì Tổng công ty xây dựng NN và PTNN Thanh Hóa – CTCP có cung cấp bổ sung và cho rằng Hợp đồng 427/2019/HĐ – XD ngày 03/06/2019 của gói thầu số 3: thi công xây dựng công trình kiên cố kênh Phong Châu đoạn từ K0+00 đến K2+573.35 thuộc công trình kiên cố kênh Phong Châu, huyện Hoàng Hóa; Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật số 327/QĐ-QLĐT- TĐ ngày 26/10/2010 của Ban quản lý đầu tư và xây dựng Thủy lợi 3; Biên bản bàn giao công trình để đưa vào sử dụng ngày 24/8/2018 đã đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu. Tổng công ty xây dựng NN và PTNN Thanh Hóa – CTCP cho rằng thời gian thực hiện hợp đồng tương tự số 18/2015/HĐXD- HTKB ngày 11/3/2015 của nhà thầu là từ ngày 11/3/2015 (ngày hợp đồng có hiệu lực) đến ngày 24/8/2018 (ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng) là không có căn cứ. Vì thời gian thực hiện hợp đồng phải theo quy định trong hợp đồng mà các bên đã ký kết. Trong khi đó tại Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 18A/2015/HĐXD- HTKB ngày 10/12/2015, thể hiện nội dung điều chỉnh, bổ sung về thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng chậm nhất là ngày 31/3/2016. Còn trong các Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 18B/2015/HĐXD- HTKB ngày 23/12/2015, Phụ lục điều chỉnh, bổ sung hợp đồng thi công xây dựng công trình số 18C/2015/HĐXD- HTKB ngày 14/9/2016 và Phụ lục điều chỉnh, bổ sung hợp đồng thi công xây dựng công trình số 18D/2015/HĐXD- HTKB ngày 05/11/2016 không thể hiện nội dung gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Biên bản bàn giao công trình để đưa vào

sử dụng ngày 24/8/2018 và Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật số 327/QĐ- QLĐT-TĐ ngày 26/10/2010 không phải là văn bản để thay thế cho Phụ lục hợp đồng thể hiện thời gian gia hạn giữa chủ đầu tư và nhà thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng được gia hạn hay văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng.

Tại mục 3 về kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự khi tham gia E-HSDT của nhà thầu có đăng ký tên và số hợp đồng là Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 18/2015/HĐXD- HTKB ngày 11/3/2015 đối với gói thầu XD21- Thi công kênh chính và các công trình trên kênh chính (đoạn từ K6+269,84 - K9+108,34), hợp phần Hệ thống kênh Bắc sông Chu- Nam sông Mã. Thời điểm đóng thầu là ngày 01/8/2020 nhưng đến ngày 28/8/2020 nhà thầu bổ sung thêm hợp đồng tương tự là Hợp đồng số 427/2019/HĐ – XD ngày 03/06/2019 của gói thầu số 3: thi công xây dựng công trình kiên cố kênh Phong Châu đoạn từ K0+00 đến K2+573.35 thuộc công trình kiên cố kênh Phong Châu, huyện Hoằng Hóa là không đáp ứng yêu cầu của E- HSMT tại mục 18 chương I phần 1 và không đúng quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 26/6/2014; điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư 05/2018/TT- BKHĐT của Bộ Kế hoạch và đầu tư ngày 10/12/2018. Vì vậy, Tổng công ty xây dựng NN và PTNN Thanh Hóa – CTCP cho rằng Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi B Đ quyết định lựa chọn nhà thầu thiếu khách quan, không minh bạch kết quả hồ sơ dự thầu để loại nhà thầu và yêu cầu Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi B Đ phải bồi thường thiệt hại do có hành vi xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty xây dựng NN và PTNN Thanh Hóa – CTCP là không có căn cứ chấp nhận.

Hơn nữa, tại mục 8 chương I phần 1 của E- HSMT về chi phí dự thầu đã có quy định “...Trong mọi trường hợp, bên mời thầu không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu”. Như vậy, trong mọi trường hợp Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi B Đ sẽ không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham gia dự thầu của Tổng công ty xây dựng NN và PTNN Thanh Hóa – CTCP. Theo Điều 31 Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT- BKHĐT- BTC ngày 08/9/2015 của Bộ Kế hoạch và đầu tư – Bộ tài chính quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng thì Nhà thầu phải thanh toán chi phí của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất và các chi phí khác liên quan đến hồ sơ dự thầu qua mạng. Tổng công ty XD&PTNT Thanh Hóa – CTCP tham gia dự thầu thì phải đảm bảo các điều kiện về hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất và các chi phí khác liên quan đến hồ sơ dự thầu qua mạng. Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi B Đ và Tổ chuyên gia đấu thầu thuộc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Bắc Ninh không có hành vi vi phạm pháp luật trong đấu thầu. Thiệt hại mà nguyên đơn yêu cầu không phải do lỗi và

hành vi của Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi B Đ gây ra nên không phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Tổng công ty xây dựng NN và PTNN Thanh Hóa – CTCP.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty xây dựng NN và PTNN Thanh Hóa – CTCP về việc kiện đòi Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi B Đ phải bồi thường thiệt hại số tiền 82.980.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận, cần bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty xây dựng NN và PTNN Thanh Hóa – CTCP.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của nguyên đơn là Tổng công ty Xây dựng N N V P T N T- Công ty cổ phần không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 143, 144, 146, 147, 235, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 275, 584, 585 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 5, 7, 13, 35; khoản 1 điều 38 Luật Đấu thầu; khoản 1 Điều 15, Điều 16 Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; khoản 1, 2 Điều 14; khoản 1, 3 Điều 38 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính Phủ quy định về hợp đồng trong hoạt động xây dựng; điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư 05/2018/TT- BKHĐT của Bộ Kế hoạch và đầu tư ngày 10/12/2018; Điều 31 Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT- BKHĐT- BTC ngày 08/9/2015 của Bộ Kế hoạch và đầu tư – Bộ tài chính quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty Xây dựng N N V P T N T- Công ty cổ phần yêu cầu Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi B Đ bồi thường thiệt hại số tiền 82.980.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Tổng công ty Xây dựng N N V P T N T- Công ty cổ phần phải chịu 4.149.000 đồng (Bốn triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn) tạm

ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0003910 ngày 21/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, còn phải nộp thêm 2.049.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh BN;
- VKSND TX Từ Sơn;
- Chi cục THADS Từ Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Minh Huệ

